| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 416/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-05-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Việt Dũng
2. Bà Phạm Thị Phước

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 272/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tùng D, sinh năm 1984

Địa chỉ: 94 đường V, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25/4/2023 ông Nguyễn Tùng D có đơn xin vắng mặt.

*Bị đơn:* Bà Ngô Thị Trà G, sinh năm 1984

Địa chỉ: 94 đường V, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/4/2023 bà Ngô Thị Trà G có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng,* N*guyên đơn - ông Nguyễn Tùng D trình bày:* Ông và bà Ngô Thị Trà G tự nguyện

kết hôn với nhau năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2008; Quyển số I/P2 do UBND Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/4/2008). Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc, từ cuối năm 2020 đến nay phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn hàng ngày kéo dài nên tình cảm không còn, không thể sống chung, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Để hai bên đều có cuộc sống tốt đẹp hơn ông yêu cầu được ly hôn với bà G.

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Ngô Trà V, sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Ngô Thảo V2, sinh ngày 16/6/2017. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà G muốn nuôi hai con ông cũng đồng ý giao hai con cho bà G nuôi, hàng tháng ông sẽ lo hết chi phí cho các con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại Bản tự khai ngày 14/4/2023, Bị đơn – bà Ngô Thị Trà G trình bày:* Bà và ông Nguyễn Tùng D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, quá trình chung sống mặc dù có những bất đồng quan điểm sống vì một số vấn đề nhưng cả hai vẫn chưa có vi phạm luật hôn nhân gia đình, chưa có dư luận về việc có mối quan hệ ngoài luồng, đều có trách nhiệm với gia đình nên bà không đồng ý ly hôn. Bà vẫn yêu chồng và thương con, không muốn con bị mọi người nhìn với ánh mắt thương hại vì có ba mẹ ly hôn, hiện tại gia đình vẫn đang hạnh phúc theo hướng cùng nhau vui vẻ bên hai con, cuối tuần bà và chồng đều cùng nhau dẫn hai con đi chơi nên bà vẫn muốn cùng chồng lo cho con trong mối quan hệ vợ chồng được pháp luật bảo vệ để đảm tốt nhất cho sự phát triển của hai con.

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Ngô Trà V, sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Ngô Thảo V2, sinh ngày 16/6/2017. Nếu phải ly hôn bà yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con do hai con là con gái, do đặc thù công tác ông D không ở nhà thường xuyên, không có điều kiện gặp con, dạy dỗ con bằng bà.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn – ông Nguyễn Tùng D và Bị đơn – bà Ngô Thị Trà G có đơn xin vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng,

quan hệ pháp luật tranh chấp, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận cho Nguyên đơn được ly hôn, giao hai con chung cho Bị đơn nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Tùng D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Trà G có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông D thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông Nguyễn Tùng D và Bị đơn – bà Ngô Thị Trà G có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà G theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2008; Quyển số I/P2 do UBND Phường S, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/4/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Tùng D và bà Ngô Thị Trà G là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay ông D yêu cầu được ly hôn với bà G vì mâu thuẫn hàng ngày kéo dài nên tình cảm không còn, không thể sống chung, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để hôn nhân hạnh phúc bản thân người chồng, người vợ trong cuộc hôn nhân phải hạnh phúc, phải cùng có ý muốn duy trì cuộc sống vợ chồng, cùng nhau chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn gữa ông D, bà G là có, kéo dài từ năm 2020 đến nay nên không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông D được ly hôn bà G để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 136; Quyển số 01 do UBND Phường S, thị xã N, tỉnh N cấp ngày 25/5/2009 thì cháu Nguyễn Ngô Trà V, sinh ngày 03/4/2009 và bản sao Giấy khai sinh số 349/2017 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/8/2017 thì cháu Nguyễn Ngô Thảo V2, sinh ngày 16/6/2017 là con chung của ông Nguyễn Tùng D và bà Ngô Thị Trà G.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bà G có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung nếu phải ly hôn, nếu bà G muốn nuôi hai con ông D cũng đồng ý giao hai con cho bà G chăm sóc nuôi dưỡng. Trẻ Trà V, Thảo V2 là trẻ gái đang trong độ tuổi cần sự dạy bảo từ mẹ nhiều hơn về tâm sinh lý tuổi mới lớn, chăm sóc, vệ sinh bản thân khi đến tuổi dậy thì nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Trà V, Thảo V2 cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi trẻ Trà V, Thảo V2 do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Trà V, Thảo V2 đối với ông D do bà G không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Ông D, bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này D, bà G có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Ông D, bà G xác nhận không có.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Nguyễn Tùng D.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tùng D được ly hôn bà Ngô Thị Trà G.

b. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngô Trà V, sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Ngô Thảo V2, sinh ngày 16/6/2017 cho bà Ngô Thị Trà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngô Trà V, Nguyễn Ngô Thảo V2 đối với ông Nguyễn Tùng D do bà Ngô Thị Trà G không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tùng D, bà Ngô Thị Trà G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này ông Nguyễn Tùng D, bà Ngô Thị Trà G có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Tùng D chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Tùng D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0009065 ngày 04/04/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Tùng D, bà Ngô Thị Trà G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

**Nơi nhận:**
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
-Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Hương**